PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Tịnh Không Pháp Sư chủ giảng
Tại Cư Sĩ Lâm Singapore
Tháng 11 năm 1994
Chuyển ngữ: Cư sĩ Thanh Trí
Biên soạn: Gia đình cư sĩ Diệu Âm Diệu Bảo
Biên tập: Cư sĩ Thiện Đức

TẬP 7

PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA ĐỆ TỨ
PHẨM THỨ TƯ: PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA

Từ phẩm này trở xuống là phần Chánh Tông của bộ kinh này. Trong phẩm này, trước tiên Thế Tôn nói rõ về nhân duyên phát tâm tu học của A-di-đà Phật lúc còn ở nhân địa, những điểm này cũng rất đáng cho chúng ta học tập, xin xem phần kinh văn:

"***Phật cáo A-nan: Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị, vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn***".

(Phật nói với A-nan, ở vô lượng vô số kiếp về đời quá khứ lâu xa, có Đức Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Đoạn văn này cũng hàm chứa huyền cơ rất sâu. Bởi vì trong kinh Di-đà, Phật nói với chúng ta, A-di-đà Phật từ lúc thành Phật cho đến nay thời gian chỉ có mười kiếp, mười kiếp là một thời gian rất ngắn. Như vậy A-di-đà Phật rốt cuộc là một vị Phật mới thành hay là cổ Phật ứng hóa tái lai? Bên trong này hàm chứa huyền cơ, cho thấy A-di-đà Phật không phải là vị Phật mới thành mười kiếp trước, vì sao vậy? Vì từ kiếp lâu xa Ngài đã thành tựu rồi, thời gian đó quá dài, ngày nay chúng ta gọi là con số thiên văn, dùng con số thiên văn cũng vô phương hình dung được, "*vô lượng bất khả tư nghị, vô ương số kiếp*", chữ "kiếp" này đương nhiên là chỉ cho đại kiếp, điều này chúng ta không cần nói kỹ, đây là rất lâu xa về trước.

"*Hữu Phật xuất thế*", lúc bấy giờ có một vị Phật xuất hiện tại thế gian, danh hiệu của Phật là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai. Gọi Thế Gian Tự Tại Vương, phía sau Như Lai là mười đức hiệu của Phật, lấy mười đức hiệu để hiển thị trí huệ đức năng của Phật. Mười hiệu này là thông hiệu, bất luận một vị Phật nào cũng đều có mười danh hiệu này. Thế Gian Tự Tại Vương là biệt danh, chỉ có vị Phật này được xưng như vậy, những vị Phật khác không thể xưng. Thí dụ như Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta, chữ Thích-ca Mâu-ni chỉ có Ngài xưng, người khác không xưng. Đây gọi là biệt danh. Nếu xưng là Như Lai, là Đẳng Chánh Giác thì bổn sư của chúng ta cũng xưng, Thế Gian Tự Tại Vương Phật cũng xưng như vậy, A-di-đà Phật cũng xưng như vậy, đây là thông hiệu. Thông hiệu là ý nghĩa gì? Chúng tôi ở đây sẽ giới thiệu sơ lược với quý vị, đó đều là danh hiệu tánh đức của chính mình.

Trước tiên nói về biệt danh: "Thế gian" tức là nói ba loại thế gian: Hữu tình thế gian, khí thế gian. Hữu tình thế gian là chỉ cho **chánh báo** của chín pháp giới. Khí thế gian là nói về **y báo**, cũng tức là hoàn cảnh sinh hoạt. Nói rõ hơn một chút để chúng ta dễ hiểu thì Phật trong hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất đều được tự tại. Dùng cách nói trong Phật Pháp là chứng đắc Tam Đức viên mãn, Tam Học cũng thành tựu viên mãn rồi. Tam Học là Giới Định Huệ. Cho nên Ngài ở nơi tất cả thế gian được đại tự tại nên xưng là Thế Gian Tự Tại Vương. "Vương" là tỉ dụ cho tự tại. Thời xưa, tất cả thần dân của một quốc gia đều phải nghe lệnh của quốc vương. Quốc vương có thể tự do tự tại ban bố mệnh lệnh, những người khác đều phải nghe theo lệnh vua. Vương là tự tại, chỗ này là tỉ dụ, tỉ dụ Phật trong tất cả pháp đều được đại tự tại. Phần dưới là mười loại đức hiệu.

Thứ nhất là "***Như Lai***". Quý vị đồng tu học Phật đối với thuật ngữ trong Phật pháp nhất định phải có sự lý giải chính xác. Thế gian này có rất nhiều người không nghiên cứu Phật Pháp, có lẽ đã đọc nhiều tiểu thuyết, đặc biệt là Tây Du Ký, khi nhắc đến Phật giáo thì nói: "Tôi biết trong Phật giáo Phật Như Lai là lớn nhất, Tôn Ngộ Không cũng không thể lộn nhào khỏi bàn tay của Như Lai". Nói những lời này đều không phải người trong nghề. Ý nghĩa của Như Lai, nói một cách dễ hiểu đó là "*kim Phật như cổ Phật tái lai*" (Phật hiện tại giống như cổ Phật tái lai), thành Phật rồi thì Phật Phật đạo đồng. Phật hiện tại giống như cổ Phật tái lai không khác biệt, cho nên xưng Ngài là Như Lai.

Trong kinh Kim Cang có giải thích, ý nghĩa của cách giải thích này khá sâu, tuy nhiên nói được vô cùng viên mãn: "*Như Lai giả chư pháp như ý*" (Như Lai là chân như của vạn pháp). Cách giải thích này vô cùng hay. "*Trong tất cả pháp,*

pháp pháp giai Như" (pháp nào cũng đều Như). Câu nói này có vẻ khó hiểu, tất cả pháp này là nói về hình tướng. "Giai như", "như" là gì? "Như kỳ tánh", "tánh" tức là chân tâm, tức là bổn tánh. Phật nói với chúng ta: "Tất cả vạn tướng đều là chân tâm biến hiện ra". Cho nên Cổ Đức dùng tỉ dụ để nói, giống như vàng và đồ vật, dùng vàng để làm đồ vật, mọi thứ đồ vật đều là vàng. Đồ vật là tướng, tức là vạn tướng, vàng là thể, "năng thành chi thể", mọi thứ đều là vàng. Đây là ý nghĩa của chữ "như", pháp pháp đều như, có pháp nào không phải là chân như bổn tánh? Cho nên ý nghĩa này nói rất sâu, nhưng ý nghĩa này nói được vô cùng viên mãn. Cho nên cách nói sâu hay nói cạn chúng ta đều phải hiểu được.

Thứ hai, "***Ứng Cúng***", "ứng" là đáng. Phật là thầy hướng dẫn của trời người, ân huệ của Ngài đối với đại chúng thật rất lớn. Phật giáo hóa chúng sanh là vô điều kiện, cũng không phân biệt kén chọn, so với tâm lượng giáo học của Khổng Lão Phu Tử Trung Quốc còn vĩ đại hơn nhiều. Khổng Lão Phu Tử là "hữu giáo vô loại" (dạy học không phân biệt) việc này Phật cũng có, tuy nhiên Khổng Lão Phu Tử nói với bạn một sự việc, nếu bạn phản ứng không giỏi thì Khổng Lão Phu Tử không muốn dạy nữa. Căn phòng của chúng ta vuông vức bốn góc, nêu ra một góc để dạy bạn, chỗ này là góc vuông, nếu bạn không biết ba góc còn lại thì Phu Tử sẽ không dạy nữa. "*Cử nhất ngung nhi bất dĩ tam ngung phản*" (dạy một phương diện mà không thể suy ra ba phương diện khác) thì Khổng Phu Tử sẽ không dạy nữa. Nhưng Thích-ca Mâu-ni Phật chịu dạy, người dù ngu hơn nữa Ngài cũng không bỏ rơi, hễ họ chịu học với Ngài thì Ngài sẽ dạy. Ví dụ trong nhóm đệ tử của Phật, Ngài Châu-lợi-bàn-đà, nếu gặp Khổng Lão Phu Tử thì Khổng Lão Phu Tử nhất định không dạy ông, thế nhưng gặp Thích-ca Mâu-ni Phật, Phật từ bi vẫn giúp đỡ ông. Phật có phương tiện thiện xảo, vẫn dạy ông khai ngộ. Cho thấy sự giáo học của Phật thật sự vượt hơn Phu Tử. Bởi thế ân đức đó đối với chúng ta thật rất lớn. Cho nên Phật xứng đáng nhận được sự cúng dường của trời người. Sinh hoạt của Phật vô cùng đơn giản, yêu cầu đối với mọi người không hề hà khắc.

Sinh hoạt của Phật chỉ cần *bốn sự cúng dường*. Phật ở thế gian phải ăn cơm, mỗi ngày ăn một bữa, bạn xem đơn giản biết bao. Chúng ta nên cúng dường Ngài một bát cơm, Phật cũng không lựa chọn cơm, thức ăn bạn cúng dường ngon hay dở, Ngài không phân biệt, cũng không chấp trước. Về y phục, việc cúng dường y phục. Một chiếc áo có thể mặc rất nhiều năm, không phải cúng dường mỗi ngày, khi y phục rách rồi thì cúng dường cho Ngài một cái mới. Ngọa cụ là dùng để ngủ, ngọa cụ cũng rất đơn giản. Khi đau bệnh thì cúng thuốc men. Tức là bốn sự

việc này, Ngài xứng đáng tiếp nhận sự cúng dường của mọi người. Ngoài những thứ này ra, Phật không cần gì cả, đó là đối với xã hội lúc đó. Xã hội hiện nay thì khác, xã hội hiện nay có thể nói là nơi nơi đều khá giả, điều kiện sinh hoạt vật chất so với trước kia tiện lợi hơn rất nhiều. Do đó, hiện nay cúng dường không giống như trước, cúng dường quá nhiều, quá đáng rồi. Kết quả nảy sanh ra tệ nạn, sanh ra tệ nạn gì? Người xuất gia vốn dĩ khi mới xuất gia tâm rất tốt, sau khi xuất gia, Phật tử tại gia cúng dường quá phong phú, do đó mà tâm tham liền nổi dậy, dính liền với tâm tham là tâm sân khuể, tâm đố kỵ, tâm kiêu mạn, tất cả đều bộc phát. Tất cả đều do đồng tu tại gia cúng dường mà ra, điều này phiền phức lớn rồi. Đồng tu tại gia phải hiểu rằng việc tạo nghiệp này rất đáng sợ. Nghiệp này rất nặng. Cho nên chúng ta muốn thật sự tu phước thì phải có trí huệ, không có trí huệ mà xử sự theo tình cảm thì không thể nào tránh khỏi tạo tội nghiệp. Chúng ta sống trong xã hội này, người xuất gia nhất định phải nhận rõ tệ nạn của thời đại này. Tôi cũng thường nhận sự cúng dường của quý vị. Nhưng tôi rất phập phồng lo sợ, chỉ sợ bị đọa lạc, cho nên quý vị cúng dường cho tôi, tôi liền chuyển tay dùm quý vị để cúng dường cho người khác. Phương pháp cúng dường của tôi thứ nhất là in kinh, cúng dường rộng khắp cho mọi người trên toàn thế giới, ấn tống kinh sách để cúng dường. Mấy năm nay lại thêm một mục nữa là làm học bổng, giúp đỡ cho một số học sinh nghèo ưu tú. Tiền của quý vị cúng dường tôi dùng làm hai việc này, toàn bộ đều bố thí sạch sẽ. Trong nhà Phật có câu nói rất thật, đây là nói với những người xuất gia: "*Kiếp này không liễu đạo, mang lông đội sừng để trả nợ*". Món nợ này thật đáng sợ. Tôi làm như vậy thì tôi không còn lo sợ nữa, cho dù tôi không thể liễu đạo thì cũng có rất nhiều người trả thay cho tôi, tôi không phải tự mình trả. Phật Bồ-tát, thực tế mà nói, những bậc tu hành chứng quả từ A-la-hán trở lên xứng đáng tiếp nhận cúng dường, làm phước điền chân thật cho tất cả chúng sanh, đây là chính xác.

Danh hiệu thứ ba là "*Đẳng Chánh Giác*", "*Đẳng*" tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở đây gọi tắt là "*Đẳng Chánh Giác*". Đây là mục đích tối cao của việc học Phật, là nguyện vọng chân thật của chúng ta. Câu này nếu dùng cách nói hiện nay là trí huệ rốt ráo viên mãn, cho nên Phật pháp là phương pháp của trí huệ, học Phật là nền học vấn của trí huệ, học Phật tức là phải khai mở trí huệ.

Danh hiệu thứ tư là "*Minh Hạnh Túc*", "*minh*" tức là quang minh, là chỉ cho trí huệ. "*Hạnh*" là hành vi trong sinh hoạt hằng ngày, hành vi không một mảy may lỗi lầm. "*Túc*" nghĩa là viên mãn. Trí huệ của Ngài viên mãn, đức hạnh viên mãn, không một mảy may lỗi lầm, gọi là "*Minh Hạnh Túc*". Nếu dùng Giới Định

Huệ để nói thì "Minh" là huệ, "Hạnh" là giới, "Túc" là định, cũng có thể biểu đạt sự viên mãn của Giới Định Huệ tam học.

Danh hiệu thứ năm là "*Thiện Thệ*", danh hiệu này rất không dễ hiểu. Chữ "*thệ*" nghĩa là viễn ly, là tịch diệt. Cái gì "diệt" mất? Phiền não diệt mất, vọng tưởng diệt mất, phân biệt chấp trước diệt mất, đó gọi là "thệ". A-la-hán đã làm được nhưng không thiện, Phật và đại Bồ-tát có thiện. Là thiện gì? Là thiện xảo, gọi là tức tướng ly tướng, đó là thiện. Cũng tức là trong kinh Đại Thừa thường nói: "Vô trụ Niết-bàn", như kinh Kim Cang nói cũng là ý nghĩa này, khác hoàn toàn với cách nói về Niết-bàn của Tiểu Thừa. Niết-bàn của người Tiểu Thừa thật sự là an trú trong cảnh giới Niết-bàn. Tâm của Phật và đại Bồ-tát thì trong cảnh giới Niết-bàn còn thân là tại thế gian, "*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*", tâm cảnh của các Ngài là cảnh giới Niết-bàn. Cho nên gọi là vô trụ Niết-bàn, "*không trụ Niết-bàn, không trụ sanh tử*". Không trụ Niết-bàn là ở tại thế gian hoằng pháp lợi sanh giáo hóa đại chúng. Không trụ sanh tử thì tâm địa các Ngài thanh tịnh tịch diệt. Thanh tịnh tịch diệt tức là "thệ", giáo hóa tất cả chúng sanh là "thiện", ý nghĩa của "thiện thệ" là vậy.

Danh hiệu thứ sáu là "*Thế Gian Giải*", chữ này dễ hiểu. Thế gian pháp bất luận là lý, là sự, là thể, là dụng, không có một thứ nào Phật không hiểu rõ. "***Giải***" tức là hiểu rõ mọi thứ, đều có thể thông đạt.

Danh hiệu thứ bảy là "*Vô Thượng Sĩ*". Thời xưa, ở Trung Quốc, những người có học, rõ lý gọi là "sĩ". Xã hội thời xưa của Trung Quốc có thể nói là xã hội của phần tử trí thức, mọi người đa số đều tôn sùng người có học. Chỗ gọi là "*vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao*" (mọi ngành đều là thấp kém, chỉ có đọc sách là cao quý). Người đọc sách có thể hiểu rõ lý cho nên xã hội vô cùng tôn kính người có học, dù người có học rất nghèo. Trong những buổi hội họp, chiếc ghế lớn của chủ tọa nhất định là nhường cho người có học ngồi, cho thấy sự tôn trọng đối với phần tử trí thức. Đây là điểm đặc sắc trên toàn thế giới. Các dân tộc khác, chúng ta chưa từng thấy tôn sùng người có học, tôn trọng giáo dục như vậy. Đây là điều mà người Trung Quốc thời xưa coi trọng. "*Vô Thượng Sĩ*" là chí cao vô thượng trong phần tử trí thức, không có ai cao hơn các ngài nữa. Đây là cách xưng tán đối với Phật, Phật là người có đạo đức, có học vấn.

Danh hiệu thứ tám là "*Điều Ngự Trượng Phu*". Danh hiệu này là cách xưng đối với việc giáo hóa chúng sanh của Phật. "*Điều*" là điều tâm, tâm chúng sanh tràn đầy vọng tưởng, phiền não, chấp trước, Phật có thể điều giải, điều hóa họ.

"*Ngự*" nghĩa là thống lĩnh, trong đó mang ý nghĩa chỉ đạo. Phật có thể chỉ dạy chúng ta, chỉ thị cho chúng ta con đường nhân sinh hạnh phúc tươi sáng. Lời này là thật, không những có thể dạy chúng ta hiện tiền được hạnh phúc mỹ mãn, quan trọng hơn là Ngài có thể giúp chúng ta vĩnh thoát luân hồi, giúp chúng ta ngay trong đời này liễu sanh tử xuất tam giới. Ngay trong đời này chúng ta có thể chứng được bất sanh bất diệt. Lời nói này nghe có vẻ huyền hoặc giống như thần thoại, kỳ thật đây là sự thật vô cùng chính xác. Con người ai mà không chết, con người đều phải chết, chết rồi thì phải luân hồi, không một ai có thể thoát khỏi luân hồi.

Tuy nhiên, quý vị nên biết chỉ những người tu học Phật pháp là thành công, người tu hành chứng quả thì không còn sanh tử nữa. Đương nhiên đây không phải là công phu tầm thường. Phật nói rõ cho chúng ta sanh tử từ đâu đến? Bạn vì sao lại có sanh tử, vì sao lại có luân hồi? Bởi vì bạn có vọng tưởng, có phiền não. Vọng tưởng và phiền não là nhân duyên của sanh tử luân hồi, là cái gốc của sanh tử luân hồi. Cho nên đoạn hết vọng tưởng, đoạn hết phiền não thì sanh tử luân hồi không còn nữa. Câu này nói thì dễ nhưng làm thì khó. Có mấy người ngay trong đời này có thể đoạn sạch vọng tưởng phiền não? Phật pháp, nhất là Phật Pháp Đại Thừa, vô lượng Pháp môn, "pháp" là phương pháp, "môn" là con đường nhập môn, đều là phương pháp đoạn phiền não, phá vọng tưởng, giống như kinh Hoa Nghiêm nói: "*Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai*". Đây là lời Phật nói, chúng ta cùng với chư Phật Như Lai vốn không hai không khác, vốn không có sinh tử, vốn không có luân hồi. Vì sao lại biến thành tình trạng như thế này? Phật nói: "*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc*", lời này đã nói toạc ra gốc bệnh của chúng ta. Vì chúng ta có vọng tưởng, có chấp trước, chấp trước tức là phiền não. Có những thứ này khiến chúng ta vốn là Phật nhưng không cách gì chứng đắc quả vị Phật, không cách gì chứng đắc được sự tự tại của Phật, biến thành tình trạng như hiện nay. Bệnh căn tìm được rồi, hễ tiêu trừ cái gốc này thì chúng ta sẽ khôi phục lại bản lai diện mục của mình. Sự giáo học của Phật pháp nói tóm lại đều là giải quyết vấn đề này.

Chúng ta biết vọng tưởng, chấp trước là phiền não, tập khí sanh ra đã có từ vô thủy kiếp đến nay, muốn đoạn trừ đâu phải chuyện dễ dàng. Cho nên người tu hành thì nhiều, kẻ liễu sanh tử thì rất ít. Đặc biệt là hoàn cảnh hiện nay của chúng ta, đối với người tu hành chân chánh thì những chướng ngại đó không biết là tăng thêm bao nhiêu trăm ngàn vạn lần so với người xưa, nguyên nhân gì vậy? Ngày nay sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, nơi nơi đều đang dụ hoặc chúng ta, những gì không để tâm chúng ta được thanh tịnh thì gọi là ma chướng.

Ma chướng hiện nay tăng thêm trăm ngàn vạn lần so với thời xưa. Thành tựu đương nhiên càng khó khăn. May thay chúng ta gặp được Pháp môn niệm Phật này. Lợi ích của Pháp môn niệm Phật ở chỗ nào? Là đới nghiệp vãng sanh. Nghiệp là gì? Nghiệp chính là vọng tưởng chấp trước. Không cần phá vọng tưởng chấp trước cũng có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, điều này thật phi thường. Trong thời mạt pháp này, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng gặp được Pháp môn này mới có hy vọng được cứu độ. Chúng ta dùng phương pháp này, dùng câu Phật hiệu Nam-mô A-di-đà Phật để điều tâm, lấy năm khoa mục Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Mười Đại Nguyện Vương để tu chính hành vi trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, đây chính là "*ngự*". "*Ngự*" tức là tu chính hành vi sai trái của chúng ta. Trong bộ kinh này, đối với phàm phu chúng ta Phật thật sự đã làm hai chữ "*điều ngự*" này được rất viên mãn rồi, thật sự đã đạt được hiệu quả rất tốt. Chúng ta phải y giáo phụng hành.

"*Trượng phu*" là xưng tán. Thời xưa xưng tán Phật là đại trượng phu, chữ "đại trượng phu" này giống với ý nghĩa "đại anh hùng" của người Trung Quốc. Người như thế nào mới được gọi là đại trượng phu? Những việc người khác không làm được mà họ có thể làm, đây mới được gọi là đại trượng phu. Những việc gì người khác không làm được? Liễu sanh tử thoát luân hồi, đoạn phiền não phá vọng tưởng đây là điều người khác không thể làm được nhưng họ làm được. Phật, Bồ-tát được gọi là Đại Trượng Phu. Cho nên, Phật điện là nơi chúng ta cúng Phật, trên tấm bảng đều viết "Đại Hùng Bảo Điện", "hùng" là anh hùng - đại anh hùng bảo điện. Ở đây ý nói những việc người thế gian không làm được, Phật làm được, Phật là đại anh hùng, Phật là đại trượng phu, "*điều ngự trượng phu*" là ý nghĩa này. Bốn chữ này hợp lại có thể nói là giáo hóa chúng sanh có thể thuận lợi như ý, tùy tâm mong muốn, là mang ý nghĩa như vậy.

Danh hiệu thứ chín là "*Thiên Nhân Sư*", đây là điều mà chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Phật ở tại thế gian, thân phận Ngài không phải là quốc vương, không phải là Thiên Chúa, không phải Thượng Đế, không phải là Thiên Thần mà là vị thầy của nhân gian. Thiên thần cũng bái Ngài làm thầy, cho nên thân phận của Ngài là vị thầy, như vậy chúng ta là học trò của Phật, thiên thần cũng là học trò của Phật, Thượng Đế cũng là học trò của Phật. Cho nên quan hệ giữa mọi người chúng ta với Phật là quan hệ thầy trò. Phật là thầy của chúng ta. Chúng ta xưng Thích-ca Mâu-ni Phật là Bổn Sư, "Bổn" là căn bản, là người đầu tiên khởi xướng nền giáo dục này, chúng ta xưng Ngài là Bổn Sư, cho nên là "*thiên nhân sư*".

Danh hiệu thứ mười là "*Phật*". Chúng ta thường nói, Phật có nghĩa là giác, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì xưng là Phật. Tự giác mà không giác tha là A-la-hán Thánh giả Tiểu Thừa. Tuy nhiên, quý vị cũng nên biết rõ Thánh Giả Tiểu Thừa nói không giác tha là các ngài không chủ động đi giác tha, nhưng nếu chúng ta cầu họ, bái họ làm thầy thì họ vẫn chịu dạy chúng ta. Chúng ta không bái họ làm thầy, không đi cầu họ thì họ không chủ động đến dạy chúng ta. Đây gọi là tự giác, còn Bồ-tát là tự giác giác tha, các Ngài không giống như vậy. Chúng ta không tìm các Ngài nhưng các Ngài vẫn đến tìm chúng ta, chúng ta không cầu các Ngài, nhưng các Ngài sẽ tìm phương kế để chúng ta đi cầu các Ngài. Các Ngài có những phương thức như vậy. Các Ngài chủ động giáo hóa chúng sanh, chủ động giúp đỡ tất cả chúng sanh, đây là tự hành hóa tha. Bồ-tát tự hành hóa tha cũng chưa viên mãn, phiền não của chính mình chưa đoạn hết, vô minh cũng là phiền não, phiền não có ba thứ: kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Đại Bồ-tát đã đoạn hết kiến tư phiền não, trần sa phiền não cũng đoạn hết, còn vô minh phiền não chưa đoạn hết. Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Như vậy vẫn chưa viên mãn, đến khi một phẩm sanh tướng vô minh sau cùng đã đoạn xong thì thành Phật mới là viên mãn. Đây là giác hạnh viên mãn mới xưng là Phật. Đây là mười đức hiệu của Phật, hiển thị trí huệ đức năng trên quả địa của Phật.

Sau cùng, "*Thế Tôn*", là người xứng đáng được thế gian tôn kính nhất thì xưng là Thế Tôn. Thế Tôn là tổng kết của mười danh hiệu này, đầy đủ mười đức hạnh này thì là người xứng đáng được người thế gian tôn kính nhất cho nên xưng là Thế Tôn. Như vậy ở đây đã giới thiệu sơ lược mười danh hiệu cho quý vị rồi. Kế tiếp chúng ta xem kinh văn.

"***Tại thế giáo thọ, tứ thập nhị kiếp***".
(Trụ thế hóa độ trong bốn mươi hai kiếp).

Trong câu này chúng ta có thể hiểu rõ người của thời đó có phước báo rất lớn, vì sao? Vì thọ mạng dài, thọ mạng của Phật thị hiện cùng với thọ mạng của nhân dân đương thời nhất định phải tương đương. Như ba ngàn năm trước, Thích-ca Mâu-ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ, Ngài trụ thế 80 tuổi, chúng ta thường nói: "tuổi mụ là tám mươi tuổi", trên thực tế, số tuổi này theo cách tính của người ngoại quốc thì Thích-ca Mâu-ni Phật 79 tuổi nhập Niết-bàn (viên tịch). Phật 79 tuổi xấp xỉ với thọ mạng của người thông thường chúng ta, giảng kinh thuyết pháp 49 năm. Thế Gian Tự Tại Vương lúc bấy giờ xuất hiện tại thế gian giảng kinh thuyết pháp cho mọi người 42 kiếp, bạn mới biết thọ mạng của con người

lúc đó dài biết bao. Thọ mạng dài thì phước báo lớn. Phật cũng từng nói với chúng ta thế gian này thời vận không giống nhau. Thế giới Ta-bà chúng ta thời gian thọ mạng dài nhất là 84.000 tuổi, 42 kiếp nếu đem so với 84.000 tuổi thì khác biệt rất nhiều. Phật nói với chúng ta mỗi một trăm năm giảm đi một tuổi. Thọ mạng con người dài nhất là 84.000 tuổi, còn ngắn nhất là mười tuổi. Từ 84.000 tuổi, cứ 100 năm giảm đi một tuổi, giảm đến mười tuổi, lại từ mười tuổi, cứ 100 năm tăng thêm một tuổi, tăng đến 84.000 tuổi. Sự tăng và giảm như thế gọi là một kiếp. Cho nên khi Thế Gian Tự Tại Vương Phật ra đời, phước báo của nhân dân thế gian thời đó so với chúng ta lớn hơn quá nhiều, Phật giảng kinh thuyết pháp 42 kiếp. Chư Phật Bồ-tát thị hiện trụ thế hầu như ngang bằng với đại chúng. Vậy ở chỗ này chúng ta phải chú ý đến Phật Bồ-tát trụ thế để làm gì? Để giáo thọ tức là giảng kinh thuyết pháp chỉ dạy mọi người. Đây chính là Phật sự mà trong kinh thường nói. Sự nghiệp của Phật chính là giáo học, giáo hóa chúng sanh.

"***Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh giảng đạo***".

(Vì hàng chư Thiên cho đến nhân loại mà thuyết kinh giảng đạo).

Đây là việc mà Phật làm khi còn tại thế. Sau khi Phật diệt độ, đệ tử Phật tại thế gian kế thừa sự nghiệp của Phật. Chúng ta thấy ở Ấn Độ thời xưa, những vị Cao Tăng, Đại Đức, sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, những bậc Cao Tăng, Đại Đức các đời của Trung Quốc cũng giống như Phật, không ngừng vì mọi người mà thuyết kinh giảng đạo. Phật Pháp hưng long, Phật Pháp hưng thịnh tức là nền giáo dục của Phật được phổ cập, nền giáo dục của Phật phổ cập thì tâm người liền hướng thiện. Thế gian người thiện nhiều thì xã hội sẽ hài hòa, quốc thái dân an, chúng sanh tất được phước. Đây là sự thành tựu trong việc đẩy mạnh nền giáo dục của Phật. **Phật chính vì việc này mà đến.** Tất cả những lời giáo huấn mà Phật đã nói, chúng ta tôn xưng là kinh điển. Điển là điển hình, là mô phạm. Kinh là chân lý, vĩnh viễn không thể thay đổi. Cho nên kinh điển có hai nghĩa, ý nghĩa của hai chữ này là quy phạm, quy củ, mô phạm vĩnh viễn không thay đổi. Nó siêu việt thời gian, siêu việt không gian. Bất luận ở khu vực nào cũng thích hợp, đây mới là điều phi thường. Bất luận ở thời đại nào, thời xưa, thời nay đều vẫn thích hợp, cho thấy đích thực là siêu việt thời gian, không gian. Đây cũng là chân lý mà người thời nay chúng ta thường nói. "*Đạo*" là con đường, con đường chính đáng, con đường bình thường, con đường chính xác sẽ mang đến cho chúng ta hạnh phúc mỹ mãn chân chánh. Đây là nói về nội dung giáo học thường xuyên không gián đoạn của Phật.

"***Hữu đại quốc chủ danh Thế Nhiêu Vương***".

(Có vị vua tên là Thế Nhiêu).

Phật giảng kinh, trong hàng thính chúng có một vị quốc vương, thực tế mà nói, Phật giảng kinh, trong thính chúng thường có rất nhiều quốc vương. Như Thích-ca Mâu-ni Phật trong quá khứ, lúc giảng kinh thường có tới mười mấy, hai mươi vị quốc vương ngồi nghe, quốc vương ở đâu mà nhiều như thế? Thời Thích-ca Mâu-ni Phật tại thế, Ấn Độ đều là những nước nhỏ. Nếu đất đai lớn như Singapore này có thể có đến năm, sáu quốc gia. Cho nên Phật vừa giảng kinh thì những quốc vương này đều đến. Bạn xem Trung Quốc các nước lớn được ghi trong cổ thư, một nước lớn không quá một trăm dặm, gọi là một nước chư hầu lớn là một trăm dặm, chu vi 100 dặm gọi là một nước lớn rồi, còn nước nhỏ chỉ có 50 dặm, hai ba chục dặm… Cho nên lúc bấy giờ là dân tộc bộ lạc. Trong bộ lạc, vị tù trưởng tức là quốc vương. Khi Phật giảng kinh thì có nhiều quốc vương đều đến nghe. Lúc Thế Gian Tự Tại Vương Phật thuyết pháp cũng có tình hình này, và đây là quốc vương của một nước lớn tên là Thế Nhiêu Vương. Danh xưng này quả thật không sai, "Thế" là thế gian, "nhiêu" là phong phú. Từ danh hiệu của Ngài có thể thấy vị quốc vương này trị quốc rất đúng đường lối, nhân dân của quốc gia này có tiêu chuẩn văn hóa rất cao, sản vật phong phú, đời sống nhân dân rất tốt thì Ngài mới có thể gọi là "Nhiêu" được. Cho nên từ trong danh hiệu có thể thấy được thành tích chính trị của vị quốc vương này. Chúng ta có thể thấy được đây là một vị quốc vương tốt, có trí huệ, có đức hạnh và năng lực.

"***Văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải***".

(Nghe Phật thuyết pháp, tâm sanh hoan hỷ lãnh ngộ).

Thường xuyên nghe Phật thuyết pháp nghe rất hoan hỷ, đương nhiên ông lãnh ngộ được và còn lãnh ngộ rất sâu sắc. Chữ "*khai*" tức là chúng ta bình thường nói khai ngộ, hoàn toàn có thể hiểu rõ, khai ngộ, tường tận những lời Phật nói. Vậy Phật nói những gì? Điều này chúng ta nhất định phải biết. Những điều mà tất cả chư Phật nói với chúng sanh, tóm lại đều là chư pháp thật tướng, cũng tức là nói rõ với mọi người chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Vị quốc vương này nghe xong hiểu rõ và giác ngộ.

"***Tầm phát vô thượng chân chánh đạo ý***".

(Liền phát tâm vô thượng Bồ-đề).

Đây là phát tâm, phát tâm vô thượng. Chúng ta thường gọi tâm vô thượng này là tâm Bồ-đề. Cũng là nói Ngài thật sự giác ngộ rồi, thật sự có một nguyện vọng, hy vọng chính mình và tất cả mọi người đều có thể giống như Phật, chứng

đắc viên mãn Phật đạo vô thượng. Ngài phát cái tâm này, trong thực tế tâm này tức là tứ hoằng thệ nguyện "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*". Không những tự mình phải thành Phật mà hy vọng tất cả chúng sanh, người người đều thành Phật. Ngài phát cái tâm này, điều này thật phi thường, không phải người bình thường của thế gian có thể phát được. Đây là do nhiều năm nghe kinh, nghe đạo không gián đoạn nên Ngài đã giác ngộ.

"***Khí quốc quyên vương, hành tác Sa-môn***".
(Bèn bỏ ngôi vua, xuất gia làm Sa-môn).

Không làm quốc vương nữa, đem ngôi vua nhường cho người khác, Ngài xuất gia tu hành. Người thế gian cầu danh văn lợi dưỡng. Người bình thường trong xã hội ngày nay truy cầu giàu có, truy cầu quyền lợi. "*Quốc*" là lợi ích, là giàu có, "*quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*" (thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển), họ có quyền lợi, có địa vị. Không cần quyền lợi, địa vị nữa, tất cả phú quý cũng không cần, xả bỏ hết để đi xuất gia tu đạo. Quý vị hãy nghĩ xem, Phật đạo nếu không tốt, không chân thật thì người ta làm sao có thể hy sinh ngôi vua để đi tìm cầu? Do đây có thể biết, sự lợi ích của Phật đạo nhất định vượt hơn ngôi vua nên họ mới chịu làm. Thế Nhiêu vương do vậy mà xuất gia. Phật Thích-ca Mâu-ni của chúng ta cũng vì thế mà xuất gia, Thích-ca Mâu-ni Phật lấy thân phận là thái tử để xuất gia, chưa làm quốc vương, còn Ngài đã làm quốc vương rồi xả bỏ ngôi vua để xuất gia. Sau khi Phật diệt độ, người xả bỏ ngôi vua xuất gia cũng không ít. Chúng ta đọc trong kinh, thời kỳ đầu phiên dịch kinh có Đại Sư An Thế Cao. Kinh Bát Đại Nhân Giác mà quý vị thường đọc là do Ngài An Thế Cao phiên dịch. Trước đây chúng tôi có đem đến số băng ghi âm trong đó có kinh A-nan Vấn Sự Phật Kiết Hung cũng là do An Thế Cao phiên dịch. An Thế Cao đã từng làm quốc vương của nước An Tức. Ngài là hoàng thái tử của nước An Tức, sau khi phụ thân qua đời, Ngài kế thừa ngôi vua, nhưng Ngài làm vua chỉ có nửa năm chưa đến một năm thì nhường ngôi vua cho người chú, rồi đi xuất gia học đạo. Ngài có duyên phần rất sâu với người Trung Quốc nên đến Trung Quốc hoằng pháp lợi sanh, viên tịch tại Trung Quốc. Đây đều là những người xả bỏ ngôi vua. An Tức thời Hán Triều là nước Ba Tư thời nhà Đường, bây giờ là Iran, An Thế Cao là Quốc Vương của nước Iran thuở xưa. Ngài xuất gia, việc này rất đáng cho chúng ta nghĩ ngẫm, Ngài thật sự đã giác ngộ.

"*Sa-môn*", ở Ấn Độ thời xưa là lối xưng hô thông thường dành cho người tu hành, không nhất định là học Phật. Tất cả người tu hành của các tôn giáo đều được gọi là sa-môn. Sau khi Phật giáo truyền sang Trung Quốc thì "Sa-môn" đã

trở thành lối xưng hô riêng của đệ tử Phật. Ý nghĩa của nó là *Cần Tức*, **là <u>Cần</u> tu Giới Định Huệ, <u>Tức</u> diệt tham sân si (siêng tu Giới Định Huệ, diệt trừ tham sân si)**. Người nào có thể chuyên tu Giới Định Huệ, dập tắt tham sân si thì gọi là sa-môn. Do đây có thể biết, sa-môn không phân biệt tại gia hay xuất gia. Người tại gia siêng tu Giới Định Huệ, dập tắt được tham sân si cũng được gọi là sa-môn. Ngày xưa danh xưng này tại gia xuất gia đều thông dụng, còn bây giờ người tại gia rất ít dùng. Đa số là người xuất gia dùng danh xưng này. Trong Phật giáo có nhiều cách xưng hô mà tại gia xuất gia đều có thể dùng. Chữ "Phật" tại gia xuất gia đều có thể dùng, "Bồ-tát" cũng là tại gia xuất gia có thể dùng, "A-la-hán" cũng là tại gia xuất gia có thể dùng. Cho đến Hòa Thượng mà chúng ta thường nói, người tại gia cũng có thể xưng là Hòa Thượng, chưa cạo đầu cũng có thể xưng là Hòa Thượng, không hề nói cạo đầu rồi mới được gọi là Hòa Thượng, như vậy bạn đã sai rồi. Ý nghĩa của Hòa Thượng là gì? Là thân giáo sư, chủ trì một đạo tràng, giáo hóa chúng sanh thì người này xưng là Hòa Thượng. Giống như hiệu trưởng trong trường học, trụ trì của tự viện, đạo tràng thì xưng là Hòa Thượng, chỉ có một mình họ có thể xưng là Hòa Thượng, họ chủ trì sự giáo hóa. Như Đạo tràng Cư Sĩ Lâm này của quý vị là đạo tràng của cư sĩ tại gia, vị Lâm Trưởng của Cư Sĩ Lâm tức là Hòa Thượng, ông ấy chủ trì việc giáo hóa. Cho nên "Hòa Thượng" không phân tại gia xuất gia, "A-xà-lê" cũng không phân tại gia xuất gia. Tại gia xuất gia đều có thể xưng hô "Pháp Sư", dùng Phật Pháp chỉ dạy tất cả chúng sanh đều có thể xưng là Pháp Sư. Chỉ có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Sa-di, Sa-di ni bốn cách xưng hô này người tại gia không thể xưng. Ngoài ra người tại gia đều có thể xưng.

Chúng tôi trước kia ở Đài Trung theo lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam học Phật có rất nhiều người tặng thầy Lý những tranh có chữ trên đó đề là "Tuyết Lư Đại Hòa Thượng", "Tuyết Lư" là biệt hiệu của Ngài, Ngài là cư sĩ tại gia, vì sao lại xưng là đại hòa thượng? Đây đều là những người trong nghề viết. Đích thực Ngài ở Đài Trung chủ trì Liên Xã Đài Trung, chủ trì Thư Viện Từ Quang Đài Trung, dùng Phật Pháp chỉ dạy một vùng. Ngài là thầy, là đạo sư của một vùng nên xưng là đại Hòa Thượng, cho nên người tại gia có thể xưng hô Hòa Thượng. Đây là nhân tiện giải thích rõ thêm về cách xưng hô cho quý vị.

"***Hiệu viết Pháp Tạng***".
(Hiệu là Pháp Tạng).

Ngài xuất gia rồi, thầy đặt pháp danh cho Ngài là Pháp Tạng, ý nghĩa của chữ này cũng rất hay. "Tạng" nghĩa là hàm chứa, giống như cái kho, tất cả vạn

pháp đều chứa bên trong, ý nghĩa của danh hiệu này rất sâu. Người này tức là A-di-đà Phật sau này, đây là nói rõ về A-di-đà Phật lúc ban sơ xuất gia như thế nào. Nguyên nhân gì xuất gia? Là do nghe kinh khai ngộ, thật sự giác ngộ rồi, phát khởi đại Bồ-đề tâm, đại đạo tâm. Xả bỏ ngôi vua xuất gia với Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Sau khi Ngài xuất gia, chúng ta hãy xem Ngài tu trì.

"***Tu Bồ-tát đạo, cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị. Tín giải minh ký, tất giai đệ nhất***".

(Tu Bồ-tát đạo, tài cao hơn người, dũng mãnh tinh tấn, tâm trí sáng tỏ, trỗi lạ hơn đời, tin, hiểu, nhớ rõ đều là bậc nhất).

Một người thật sự giác ngộ, thật sự phát đạo tâm thì không ai không tinh tấn, không ai không dụng công, vì sao vậy? Vì họ theo đuổi một mục tiêu, họ hy vọng có thể sớm được thực hiện, mục tiêu của Tỳ-kheo Pháp Tạng là gì? Là thành Phật, hơn nữa hy vọng tất cả chúng sanh đều thành Phật. Đây là mục tiêu của Ngài. Quả thật Ngài đã đạt được, thật là phi thường. Những điểm này đều đáng cho chúng ta học tập, chúng ta phải nghiêm túc học tập. "*Tu*" là tu chỉnh, Bồ-tát đạo là tiêu chuẩn. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Thiện Tài Đồng Tử tu học. Thiện Tài mỗi lần tham vấn một vị thiện tri thức, sau khi lễ kính tán thán nhất định tự trình bày rõ mục đích đến của mình. Ngài nói: "*Tôi đã phát tâm vô thượng Bồ-đề, không biết học Bồ-tát đạo, tu Bồ-tát hạnh như thế nào?*". Sau khi phát tâm, hai sự việc này là trọng yếu nhất. Chữ "đạo" ở đây bao hàm cả Bồ-tát Hạnh. "Đạo" là gì? Là giữ tâm, Bồ-tát giữ tâm gì? "Hành" là hành vi, trong sinh hoạt hằng ngày, Bồ-tát làm cách nào để xử sự, đối người, tiếp vật? Đi khắp nơi để tham học, nghe lời giáo huấn của thiện tri thức, tu chỉnh tư tưởng kiến giải sai lầm của chính mình, đây là thuộc về đạo. Ngôn ngữ tạo tác là thuộc về hành, tu chỉnh lại tất cả những sai lầm gọi là tu Bồ-tát đạo.

"*Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị*", bốn câu này là tán thán sự thành tựu tu học của Ngài, người khác không thể sánh kịp. "*Cao*" là nói về đức hạnh, Ngài có đạo đức cao thượng. "*Tài*" là nói về trí huệ. Ngài có trí huệ vượt hơn người, người thông thường không thể sánh bằng Ngài. "*Dũng triết*" là minh triết, Ngài không mê hoặc, rõ ràng minh bạch. "*Dũng*" là tinh tấn, dũng mãnh, cố gắng tinh tấn nỗ lực. "*Dữ thế siêu dị*", người thế gian, những bạn học thông thường đều không sánh bằng Ngài. Trí huệ của Ngài cao, nguyện lực lớn, nguyện của Ngài vượt hơn nguyện của những bạn học khác.

"*Tín giải minh ký*", trong quá trình cầu học cần phải đầy đủ, điều kiện này rất quan trọng. Đối với thầy phải có lòng tin, tôn sư trọng đạo. Nếu đối với thầy không có lòng tin, thì dù thầy có cao minh hơn nữa bạn cũng không thể thành tựu, bạn sẽ không được gì cả. Nếu đối với thầy có lòng tin kiên định, có lòng kính ngưỡng tôn sùng cao thượng, thì dù thầy không cao minh lắm, bạn cũng có thể có thành tựu xuất chúng, điều này trong lịch sử từ xưa đến nay chúng ta đều thấy được. Cho nên trong lúc học tập, tôn sư thì sẽ trọng đạo, trọng đạo thì chẳng có ai không tôn sư. Như vậy, Ngài đối với thầy của Ngài là Tự Tại Vương Phật đương nhiên có lòng tín ngưỡng kiên định, thanh tịnh. Thầy chỉ dạy, Ngài có thể tiếp nhận, Ngài có thể lý giải rõ ràng minh bạch. "*Minh ký*", và còn ghi nhớ lâu, không hề quên mất. "*Tất giai đệ nhất*", tín đệ nhất, giải đệ nhất, minh ký cũng là đệ nhất, đây là điều mà Thế Gian Tự Tại Vương Phật rất vui mừng, tìm được truyền nhân rồi, người học trò giỏi nhất này có thể truyền pháp của Ngài. Phần tiếp theo nói lại càng đáng quý hơn. Điều này thật không dễ dàng, vô cùng khó được.

"***Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm huệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả***".

(Lại có hạnh nguyện thù thắng và niệm huệ lực để tăng thượng tâm mình, kiên cố chẳng động, tu hành tinh tấn không ai hơn được).

Mấy câu này là tán thán đặc biệt đối với Ngài, còn phía trước là điều kiện cần phải hội đủ của người học trò. "*Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện*", điều này những bạn học khác không có, dù có cũng không thù thắng bằng. Chỗ thù thắng này là nguyện vọng vô cùng mãnh liệt, đây tức là tứ hoằng thệ nguyện. Bốn mươi tám nguyện phía sau chính là từ chỗ này mà ra. Bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật không phải không có gốc, gốc chính là từ chỗ này. Đây là trước khi xuất gia Ngài đã phát đại nguyện này, phổ độ chúng sanh viên thành Phật đạo. Trong kinh này nói về đại nguyện bình đẳng thành Phật, đại nguyện này quá thù thắng. Tất cả chư Phật độ chúng sanh không có nói bình đẳng thành Phật, bình đẳng thành Phật quả thật là thù thắng. "*Cập niệm huệ lực*", chữ "*niệm huệ*" này là đầy đủ ngũ căn, ngũ lực. Trong kinh Di-đà nói về "Tín, Tịnh, Niệm, Định, Huệ". Tuy chỉ nói có hai thứ, trên thực tế đều hội đủ cả ngũ căn ngũ lực. "*Tăng thượng kỳ tâm*", chữ "*tăng thượng*" là đặc biệt tăng cường, tăng cường cái tâm học tập tu trì của Ngài. "*Kiên cố bất động*", câu này nghĩa là bất thoái chuyển.

"*Tu hành tinh tấn, vô năng du giả*", hai câu này đều là tán thán, chẳng ai có thể sánh với Ngài. Ngài tinh tấn nỗ lực người khác không thể sánh kịp. Đến đây

Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta trạng thái học tập trong lúc bình thường của Pháp Tạng Tỳ-kheo khi theo thầy của Ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Phật.

"***Vãng nghệ Phật sở, đảnh lễ trường quỵ, hướng Phật hiệp chưởng, tức dĩ Già-tha tán Phật, phát quảng đại nguyện***".

(Đến trước Đức Phật đảnh lễ quỳ gối, chắp tay nói kệ tán thán Phật, phát đại thệ nguyện).

Ngài tu học lúc bình thường Phật đã tán thán hết lời rồi. Ngài Pháp Tạng một hôm đến chỗ của thầy, "*vãng nghệ Phật sở*" tức là đến chỗ của Thế Gian Tự Tại Vương Phật, khi gặp được thầy, "*đảnh lễ trường quỵ*", đây là lễ tiết, "*hướng Phật hiệp chưởng*", Ngài có việc muốn thỉnh giáo với thầy, sự việc lần này cũng rất đặc biệt, ở trước mặt thầy Ngài nói rõ nguyện vọng của mình, xin thầy chứng minh cho Ngài. "*Già-tha*" là Phạn ngữ, dịch theo nghĩa tiếng Trung Quốc là cô khởi tụng (kệ tụng). Chữ "tụng" này giống như thi ca của Trung Quốc, câu từ rất chỉnh tề, ở đây mỗi câu là bảy chữ (thất ngôn tụng), cứ bốn câu là một bài, có thể xướng tụng, âm vận đều rất hay. Trước tiên dùng kệ này tán Phật, nói rõ nguyện vọng của Ngài. Những điều này đều nằm trong kệ tụng này.

"***Tụng viết***" (nói kệ rằng).

Phần dưới chính là lời mà Ngài Pháp Tạng nói với thầy. Tám câu đầu là tán thán thầy, xưng tán thầy. Chúng ta xem bài thứ nhất, bốn câu:

"***Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm***
Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng
Quang minh vô lượng chiếu thập phương
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu."

(Thân Như Lai vi diệu đoan nghiêm
Thế gian không ai sánh kịp được
Sáng ngời vô lượng khắp mười phương
Nhật nguyệt hỏa châu lu mờ cả.)

Hai câu đầu tiên là khen ngợi tướng hảo của Phật, hai câu sau là khen ngợi quang minh của Phật. "*Đoan*" là đoan chính, trang nghiêm; "*vi diệu*", có thể nói là đoan chính, trang nghiêm không gì bằng. Phía trước đã nói với quý vị tướng tùy tâm chuyển, tướng do đâu mà có? Do tâm biến hiện, *tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra*. Tâm của Phật tốt nên hiện tướng tốt. Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp. Tướng là quả báo, quả thì tất sẽ có nhân, nhân tốt thì quả tốt. Trong kinh điển

chúng ta thường đọc tướng lưỡi rộng dài, lưỡi của Phật rất mỏng, lưỡi đưa ra có thể che phủ cả mặt, Thích-ca Mâu-ni Phật đã từng biểu diễn qua. Là để chứng minh gì vậy? Chứng minh lời Phật nói là chân thật không lừa dối người. Phật nói: "Một người nếu ba đời không vọng ngữ, không gạt người thì lưỡi của họ đưa ra có thể liếm đến mũi của mình". Lưỡi của chúng ta rất ngắn liếm không tới, tức là chúng ta thường hay vọng ngữ, gạt người. Nhân không tốt thì quả sẽ không tốt. Lưỡi của Phật đưa ra che khắp cả mặt, nói với chúng ta Phật đời đời kiếp kiếp không lừa người, chứng minh lời Phật nói chân thật không hư. Cho nên nhân tốt thì được tướng tốt. Vậy chúng ta muốn tướng của mình tốt thì nhất định phải tu nhân tốt, phải giữ tâm tốt, phải làm người tốt. Tâm tốt, người tốt thì tướng mạo nhất định tốt, đây là đạo lý nhất định. Nếu tâm hạnh của mình không tốt mà muốn có tướng mạo tốt. Hiện nay đi thẩm mỹ đều là giả, không phải thật, lại còn có nhiều tác dụng phụ. Tôi nghe nói rất nhiều người khi đi thẩm mỹ rồi mang bệnh quái dị đầy thân, thật là lợi bất cập hại. Muốn tướng tốt không khó, trước tiên phải tu tâm tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Nói tóm lại làm người tốt thì tướng sẽ tốt. "*Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng*", điều này người thế gian không thể nào sánh được, nói cách khác, trên tâm hạnh thì người thế gian không cách gì sánh bằng Phật. "*Quang minh vô lượng chiếu thập phương*", quang minh của Phật, từ trên lý mà nói Phật niệm niệm không bỏ tất cả chúng sanh. Có một số chúng sanh được Phật gia trì, một số khác không được Phật gia trì, đây là nguyên nhân gì? Nguyên nhân này không ở nơi Phật, quang minh của Phật là chiếu rộng, là chiếu khắp, không có phân biệt, cũng không có ưa thích hay ghét bỏ. Chúng sanh được lợi ích nhiều ít khác nhau là vì nghiệp chướng của chúng sanh khác nhau. Người nghiệp chướng mỏng thì được lợi ích nhiều, kẻ nghiệp chướng sâu dày thì được lợi ích ít, đây là chân tướng sự thật. Vậy thì xem nghiệp chướng từ đâu? Người đối với Phật cung kính, có thể lý giải kinh pháp của Phật, có thể tiếp thọ thì là người có thiện căn dày, nghiệp chướng ít. Nếu đối với Phật không tin, đối với kinh pháp của Phật nói không lý giải chính xác, không thể tín thọ phụng hành thì họ được lợi ích ít, điều này nói rõ nghiệp chướng của họ nặng. Quang minh của Phật Bồ-tát đích thật là chiếu rộng, chiếu khắp. Câu dưới là so sánh, ánh sáng của thế gian thù thắng nhất là mặt trời, mặt trăng. Nếu so sánh ánh sáng của nhật nguyệt với ánh sáng của Phật thì giống như chúng ta thắp ngọn đèn dưới ánh sáng mặt trời vậy. Đèn rất sáng, nhưng dưới ánh sáng của mặt trời thì không hiển hiện ra được, là "*nặc diệu*", không thể hiển bày ra được. Đây là hình dung ánh quang minh của Phật là vĩ đại, Phật quang viên mãn, cũng là hình dung trí huệ và lòng từ bi của Phật. Bài thứ hai:

"***Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh***
Hữu tình các các tùy loại giải
Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến."

(Thế Tôn diễn thuyết một âm thanh
Tùy loại hữu tình thảy thông hiểu
Lại hay hiện sắc thân đẹp đẽ
Tùy loại chúng sanh đều thấy rõ.)

Bốn câu này cũng là tán thán Phật, hai câu đầu là tán thán Phật thuyết pháp. Âm thanh của Phật đích thật là vi diệu, vi diệu đến độ chúng ta không thể nghĩ bàn. Phật dùng một âm để thuyết pháp. Tất cả chúng sanh có ngôn ngữ không đồng, tuy nhiên khi mọi người nghe Phật thuyết pháp đều nghe hiểu cả. Giống như chúng ta nghe tiếng Hoa, Phật thuyết pháp chúng ta nghe ra tiếng Hoa, còn người kia nghe tiếng Anh thì Phật thuyết ra tiếng Anh. Mỗi người nghe Phật thuyết pháp đều là ngôn ngữ của chính mình, Phật không cần thông dịch, mọi người nghe đều rất hoan hỷ, đều nghe rất rõ ràng. "*Hữu tình các các tùy loại giải*", người thế gian chúng ta ngôn ngữ bất đồng nhưng Phật thuyết pháp thì ai nghe cũng hiểu. Trong đạo tràng này còn có chư thiên quỷ thần, ngôn ngữ của họ lại càng khác hẳn với ngôn ngữ của chúng ta. Những chư thiên quỷ thần này cũng nghe hiểu, đều giống như nghe ngôn ngữ của họ vậy. Cho nên âm thanh của Phật vi diệu thay. Cổ nhân tán thán là "viên minh cụ đức", nó là mật ngữ. Đạo lý bên trong, nhà khoa học hiện đại quả rất thông minh, họ tin, họ từ trên lý luận để phân tích việc đó, quả thật là có thể. Thế nhưng hiện nay vẫn chưa biết dùng phương pháp gì để đạt được điều đó. Cho nên, với lý luận của khoa học, có nhóm người đích thực đã đem những phần thâm mật của Phật pháp giúp chúng ta giải quyết được nhiều vấn đề.

Hai câu tiếp là nói về thân Phật, thân Phật cũng rất vi diệu, "*hựu năng hiện nhất diệu sắc thân, phổ sử chúng sanh tùy loại kiến*". Bạn muốn nói về thân tướng của Phật, thực tế mà nói thì nói không ra, vì sao vậy? Mỗi người thấy tướng của Phật đều không giống nhau, Phật có thể khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Bạn thích thấy tướng Phật như thế nào thì Phật sẽ là tướng đó, tức là cái tướng mà bạn thích. "*Tùy loại hiện thân*", tùy loại hiện thân hàm nghĩa rất sâu rộng. Tiêu chuẩn thẩm mỹ của mỗi người không giống nhau, tôi nhìn tướng này thấy thích, bạn nhìn tướng đó chưa hẳn đã thích, thế nhưng Phật hiện tướng khiến mỗi người nhìn thấy đều thích cả. Đích thật như trong kinh Lăng-nghiêm nói, "*tùy*

chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng" (thuận theo tâm chúng sanh mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Kinh Lăng Nghiêm nói cho chúng ta biết, không những thị hiện thân này mà cái thân tướng này là thiên biến vạn hóa, không phải là một tướng cố định. Có một số đồng tu không rõ sự thật này. Tôi thường nghe có người hỏi tôi: Thưa Pháp Sư, Quán Âm Bồ-tát rốt cuộc là nam hay là nữ? Quán Âm Bồ-tát là nam và cũng là nữ, Ngài tùy loại hóa thân. Bạn thích thấy thân nữ thì Ngài liền hiện thân nữ, bạn thích thấy thân nam thì Ngài hiện thân nam, không phải là một hình tướng cố định. Chư Phật Bồ-tát đã vô ngã, vô tướng rồi. Bạn xem trong kinh Kim Cang chẳng phải đã nói rồi sao? "*Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát*" (nếu Bồ-tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì không phải là Bồ-tát). Chấp tướng là phàm phu, Ngài không chấp trước, không còn nữa. Bởi vì "vô tướng" cho nên "vô bất tướng", chúng ta hôm nay thua thiệt quá lớn, chấp trước có một cái tướng nhất định, có tướng cho nên không cách gì biến thành tướng thứ hai. Phật Bồ-tát vô tướng, các Ngài có thể tùy theo tất cả chúng sanh mà hiện vô lượng vô biên tướng, đều khiến chúng sanh tùy loại mà thấy. Tám câu này là tán thán Phật.

Phần dưới là nói về nguyện vọng của mình, những điều này chúng ta đều phải học tập. Bạn xem người ta phát tâm, phát nguyện như thế nào? Tu hành ra sao? Chúng ta muốn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, muốn thấy A-di-đà Phật thì chúng ta cần phải học theo A-di-đà Phật. Bắt đầu học từ chỗ A-di-đà Phật phát tâm tu hành, đây là học thật sự.

"***Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh***
Pháp âm phổ cập vô biên giới"

(Nguyện con được tiếng Phật thanh tịnh
Đưa Pháp âm đến vô biên cõi)

Chúng ta phát tâm học Phật rồi, đặc biệt là xuất gia rồi, không làm quốc vương nữa, xuất gia rồi. Xuất gia để làm gì? Xuất gia là muốn thuyết kinh giảng đạo cho tất cả chúng sanh. Thuyết kinh giảng đạo quan trọng nhất là âm thanh. Thế giới Ta-bà chúng ta, Ngài Văn-thù Bồ-tát nói rất hay, "*thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*" (chân giáo thể ở phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Cho nên âm thanh cần phải hay, một số người có được âm thanh hay là do trời phú. Tiền kiếp họ tu nhân tốt như là tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng, tán thán Tam Bảo, tán thán người thiện, việc thiện của thế gian thì âm thanh

của họ sẽ hay. Phàm việc gì đều có nhân quả, đây là điều chúng ta phải thường xuyên suy ngẫm. Chúng ta mong mọi thứ đều tốt thì phải tu nhân thiện, ngoài việc tự mình tu hành còn phải cầu Phật gia trì. Quý vị đồng tu phải biết, người phát tâm giảng kinh nói pháp, sau khi lên giảng đài thì tướng và âm thanh của người đó đều khác, không giống như lúc ở dưới giảng đài. Nếu chư vị tỉ mỉ quan sát thì sẽ phát hiện ra, vì sao vậy? Vì trên giảng đài có Phật Bồ-tát gia trì, xuống giảng đài rồi thì không còn nữa. Cho nên tướng mạo trên giảng đài và dưới giảng đài không giống nhau, âm thanh cũng không giống nhau. Âm thanh cũng là do Phật lực gia trì. Quý vị quen biết tôi thời gian không lâu lắm, ở Đài Bắc có nhiều đồng tu đã quen biết tôi từ rất nhiều năm trước, còn có một số quen biết tôi khi tôi mới xuất gia, mới học Phật. Lúc đó tướng mạo và âm thanh của tôi so với hiện giờ hoàn toàn khác hẳn. Đây là do sau khi tôi học Phật được oai thần gia trì của Tam Bảo. Được thanh tịnh âm của Phật để làm việc lợi ích gì?

"***Tuyên dương giới định tinh tấn môn***
Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp."

(Tuyên dương pháp: giới, định, tinh tấn
Thông đạt rộng sâu pháp nhiệm mầu.)

Tôi được tướng tốt, âm thanh hay không phải để khoe khoang với người thế gian là tôi đẹp hơn anh. Không phải ý này mà là để hoằng pháp lợi sanh, làm lợi ích cho chúng sanh. Làm lợi ích cho chúng sanh, thực tế mà nói, tướng phải đẹp, bởi vì chúng sanh đều yêu thích cái đẹp, tướng mạo mà không đẹp thì pháp duyên sẽ không tốt. Trong kinh Đại Thừa chúng ta đọc thấy chư Phật sau khi thành Phật, các Ngài phải dùng thời gian 100 kiếp để tu tướng hảo, 32 tướng, 80 vẻ đẹp là phước báo do tu mà có. Vì sao? Bởi vì tướng hảo thì có thể nhiếp thọ chúng sanh, chúng sanh vừa nhìn thấy tướng này thì họ liền theo bạn, điều này rất lợi hại, họ sẽ không lỡ rời xa bạn. Một thí dụ rõ rệt nhất, chúng ta thấy trong kinh Lăng-nghiêm, Tôn giả A-nan vì sao xuất gia? Trong hội Lăng-nghiêm Tôn giả A-nan đã nói ra, bởi vì Ngài nhìn thấy tướng của Thích-ca Mâu-ni Phật quá đẹp. Ngài nói tướng này không phải do cha mẹ sanh, nhất định là do Phật tu mà thành, chính vì yêu thích tướng của Thích-ca Mâu-ni Phật mà Ngài xuất gia. Người thế gian chúng ta thường hay nói "tú sắc khả xan (vẻ đẹp làm người ta nhìn không biết đói)", gặp được một người có tướng đẹp thì ngay cả ăn cơm cũng quên mất. Cho nên Phật rất hiểu tâm lý của chúng sanh, nhất định phải thị hiện tướng thật đẹp để thu nhiếp hết thảy chúng sanh, đạo lý là ở chỗ này. Chỉ vì muốn "*tuyên dương giới, định, tinh tấn*", đây là bao gồm toàn bộ Phật pháp. Giới Định Huệ tam học

là trung tâm tu học trong pháp Tiểu Thừa. "Tinh tấn" là đệ nhất thiện căn của Bồ-tát, cho nên ba thứ này hợp lại tức là tất cả Phật pháp Đại Tiểu Thừa đều gồm thâu trong đó.

Câu sau đây lại càng đặc biệt hiếm có: "*Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp*". Câu này là chỉ cho cái gì vậy? Lấy Phật pháp bình thường để nói, trong Thiền Tông nói đến Minh Tâm Kiến Tánh, trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói với chúng ta "*tâm thị tâm tác*, *thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*", đây là thậm thâm vi diệu pháp vậy. Nếu nghiêm khắc mà nói "chân thật thậm thâm vi diệu pháp" chính là niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật. Pháp môn này đích thực là "thậm thâm vi diệu pháp" vì sao? Tất cả chư Phật đều nói pháp khó tin, Tịnh Độ là "*nan tín chi pháp*" (pháp khó tin), người thông thường nghe rồi không tin, nghe xong còn phản đối, bài xích. Xin thưa quý vị, đây là hiện tượng rất bình thường, điều này không hiếm lạ. Tôi nghe xong gật đầu, không sao, rất bình thường. Người nghe rồi liền hoan hỷ tiếp nhận đó là không bình thường, đó là kỳ quái. Tất cả chư Phật đều nói là Pháp môn khó tin, tại sao họ có thể tin? Bạn có thể tin là không bình thường. Phần sau của bộ kinh này đều có nói đến, bạn có thể tin Pháp môn này là thiện căn trong vô lượng kiếp đời quá khứ của bạn ngày nay được phát hiện. Trong đời quá khứ của bạn không có thiện căn phước đức nhân duyên thật sâu thì bạn làm sao có thể tin được. Pháp môn này vừa được tuyên dương, người ta vừa nghe liền tin tưởng thì sao gọi là pháp khó tin? Nếu rất dễ tin thì không thể gọi là pháp khó tin được. Cho nên một số người nghe xong không thể tiếp nhận, bài xích đó là hiện tượng rất bình thường. Chúng ta hiểu được đó là do họ nhiều đời nhiều kiếp không có thiện căn này, hoặc giả có thiện căn nhưng chưa thành thục. Do đây có thể biết nhất định phải thông đạt trước, sau đó mới có thể tuyên dương một cách thuận lợi, giới thiệu với mọi người. Chúng ta xem bài kệ tiếp theo.

Sáu câu dưới đây rất quan trọng. Mặc dù Pháp Tạng Tỳ-kheo đưa ra báo cáo về tâm đắc trong việc tu học của mình với thầy, đây cũng là điển hình mô phạm trong việc tu học của bản thân chúng ta:

"***Trí huệ quảng đại thâm như hải***"

(Trí huệ rộng lớn như biển cả)

Chỗ mong cầu của Phật pháp là trí huệ, chỗ tu của Thiền Tông Đại Thừa không phải là thiền định mà là *trí huệ*. Lục Tổ Đại Sư trong Đàn Kinh, vừa mở đầu liền nói cùng mọi người tổng niệm "Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa". Ngài

không bảo họ tu thiền định mà bảo họ cùng niệm Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa, cho thấy Thiền Tông Trung Quốc là tu Bát-nhã. Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo, không có Tông nào không lấy trí huệ để làm mục tiêu, *trí huệ* này từ đâu mà có? Từ trong định mà có. Cho nên định là then chốt, trí huệ là mục tiêu. "Định" tức là tâm thanh tịnh.

"***Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao***"

(Nội tâm thanh tịnh dứt trần lao)

"Trần lao" là ô nhiễm, tức là vọng tưởng phân biệt chấp trước, phải đào thải cho sạch sẽ rốt ráo những thứ này, khôi phục lại tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là chân tâm, tâm thanh tịnh tức là bổn tánh. Lục Tổ Đại Sư lúc thành tựu, Ngài hướng về Ngũ Tổ để trần thuật tâm đắc của Ngài. Ngũ Tổ truyền pháp, đem kinh Kim Cang giảng cho Ngài, giảng đến chỗ "*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*" (nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia) thì Ngài liền khế nhập, Ngài hiểu rõ ngay. Ngài nói ra tâm đắc của mình, câu đầu tiên là: "*Hà kỳ tự tánh bổn lai thanh tịnh*" (nào ngờ tự tánh vốn là thanh tịnh), cho nên tâm thanh tịnh là bổn tâm của chúng ta, là bổn lai diện mục của chúng ta. Tâm của chúng ta hiện nay không thanh tịnh mà bị ô nhiễm, như vậy công việc hiện nay chúng ta phải làm là làm thế nào để từ chỗ ô nhiễm quay về với thanh tịnh. Đây chính là thật sự tu hành, bạn nắm được cương lĩnh tu hành chân chánh đó thì bạn đã thực sự biết dụng công rồi. Làm cách nào khôi phục lại cái tâm ô nhiễm của chúng ta trở thành thanh tịnh? Tám vạn bốn ngàn pháp môn. "Pháp" là phương pháp, "môn" là cửa vào, bất luận pháp môn nào đều là vì mục tiêu này.

Làm thế nào từ nhiễm trở về thanh tịnh? Hôm nay, chúng ta dùng phương pháp niệm Phật. Tịnh Tông dùng chấp trì danh hiệu, tín nguyện trì danh, "*tâm tịnh tức độ tịnh*". Xin thưa với quý vị, tâm đã được thanh tịnh rồi thì bạn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ được bảo đảm, cảm ứng đạo giao với Tây Phương Tịnh Độ. Lúc đó có thể nói là tự tại vãng sanh, muốn ra đi lúc nào thì sẽ ra đi lúc đó. **Chúng ta hôm nay muốn đi nhưng đi không được, đạo lý là ở đâu? Tâm không thanh tịnh, không tương ưng với Tịnh Độ, nhất định phải niệm đến tâm thanh tịnh.** Phàm là những thứ làm tâm ô nhiễm, chúng ta đều phải cảnh giác, biết đó là sai lầm, cần phải lìa bỏ. Bạn xem, Thế Nhiêu Vương là quốc vương xử lý việc chính trị của quốc gia, dù làm tốt đi nữa thì vẫn làm ô nhiễm tâm thanh tịnh, cho nên Ngài cần phải xả bỏ ngôi vua của mình, xả bỏ phú

quý, vì sao? Hy vọng đem tâm ô nhiễm trở về với thanh tịnh, đạo lý chân chánh là ở chỗ này.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!